

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### 1. Thông tin chung về Công ty:

#### Thành lập:

Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Lâm nghiệp Tiền Phong được thành lập theo Quyết định số 3726/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300100201 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ tư (04) ngày 18 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế Hoạch Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

#### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên

#### Hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: Trồng rừng kinh tế;
- Bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán lâm sản;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp. Chi tiết: Kinh doanh giống cây lâm nghiệp;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: Chế biến lâm sản;
- Khai thác lâm sản khác từ gỗ. Chi tiết: Khai thác lâm sản;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt. Chi tiết: Dịch vụ nông lâm;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu. Chi tiết: Trồng cây dược liệu;
- Trồng rau, đậu và các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hằng năm khác.

Trụ sở chính: Thôn Cư Chánh, Xã Thủy Bằng, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

#### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Tôn Thất Ái Tín	Chủ tịch
Ông	Phan Thế Sơn	Giám đốc
Bà	Lê Thị Thanh Bình	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông Tôn Thất Ái Tín Chủ tịch

### 4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM ("AISC") tại Đà Nẵng được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5. Cam kết của Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng thành viên, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thị trấn Huế, ngày 11 tháng 03 năm 2019

Thay mặt Hội đồng thành viên



Tôn Thất Ái Tín

Chủ tịch Công ty



Số: C12180118-R/AISDN-DN **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**

**CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP TIỀN PHONG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Nhà Nước Một Thành Viên Lâm Nghiệp Tiền Phong (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 03 năm 2019, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Nhà Nước Một Thành Viên Lâm Nghiệp Tiền Phong tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Đà Nẵng, ngày 11 tháng 03 năm 2019**

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
**NGUYỄN THỊ HIỆP**

Số Giấy CNDKHNKT: 1401-2018-005-1  
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**LÊ THỊ THÙY DƯƠNG**

Số GCNDKHNKT: 3223-2015-05-1  
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội: 6 Floor, 36 Hoa Bình 4 St., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Hà Nội

Branch in Danang: 350 Hai Phong St., Chinh Gian Ward, Thanh Khe Dist, Da Nang City Tel: (04) 3782 0045/46/47 Fax: (04) 3782 0048 Email: hanoi@aisc.com.vn  
 Rebreresentative in Can Tho: 243/1A, 30/4 St., Ninh Kieu Dist., Can Tho City Tel: (0236)3 747 619 Fax: (0236)3 747 619 Email: aiscdn@gmail.com  
 Rebreresentative in Hai Phong: 18 Hoang Van Thu St., Hong Bang Dist, Hai Phong City Tel: (0710) 3813 004 Fax: (0710) 3828 765  
 Tel: (031) 3569 577 Fax: (031) 3569 576

Trang 3

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>39.790.226.191</b>	<b>35.243.326.513</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>5.646.837.893</b>	<b>2.523.780.016</b>
1. Tiền	111		5.646.837.893	523.780.016
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>713.400.000</b>	<b>129.059.500</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	713.400.000	129.059.500
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		-	-
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.3</b>	<b>33.295.456.134</b>	<b>32.408.113.440</b>
1. Hàng tồn kho	141		33.295.456.134	32.408.113.440
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>134.532.164</b>	<b>182.373.557</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		84.532.164	84.532.164
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	50.000.000	97.841.393
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.052.963.294</b>	<b>8.912.811.052</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.502.661.858</b>	<b>8.473.911.216</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	10.475.469.858	8.439.921.216
- Nguyên giá	222		15.801.671.935	12.558.264.493
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.326.202.077)	(4.118.343.277)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	27.192.000	33.990.000
- Nguyên giá	228		67.980.000	67.980.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.788.000)	(33.990.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.4	<b>124.450.000</b>	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		124.450.000	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>425.851.436</b>	<b>438.899.836</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	425.851.436	438.899.836
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>50.843.189.485</b>	<b>44.156.137.565</b>

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>15.995.008.927</b>	<b>15.165.579.437</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.282.875.927</b>	<b>3.834.446.437</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.8	11.348.040	253.189.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	47.000.000	54.650.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	121.408.213	29.389.483
4. Phải trả người lao động	314		2.321.464.397	2.111.977.627
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	266.880.000	210.594.500
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	102.296.200	502.828.740
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		412.479.077	671.817.087
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.712.133.000</b>	<b>11.331.133.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	8.831.000.000	8.811.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13a	3.361.000.000	2.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.14	520.133.000	520.133.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

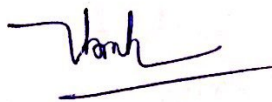
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>34.848.180.558</b>	<b>28.990.558.128</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>34.154.742.357</b>	<b>28.276.042.327</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.559.150.404	20.126.748.952
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		118.953.700	455.311.700
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.436.923.439	7.693.981.675
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		171.660.655	7.693.981.675
- LNST chưa phân phối năm này	421b		8.265.262.784	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		39.714.814	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>693.438.201</b>	<b>714.515.801</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		693.438.201	714.515.801
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>50.843.189.485</b>	<b>44.156.137.565</b>

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Thanh Bình

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Thanh Bình

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Tôn Thất Ái Tín

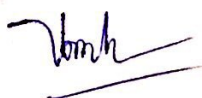
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

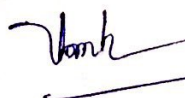
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	29.580.263.200	27.226.796.350
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	29.580.263.200	27.226.796.350
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	19.901.590.685	17.359.151.770
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9.678.672.515	9.867.644.580
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	204.093.108	73.550.018
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	179.475.000	204.920.519
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		179.475.000	204.920.519
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	-	66.940.700
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.256.598.086	1.929.755.993
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		8.446.692.537	7.739.577.386
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.655.570.336	1.888.312.189
12. Chi phí khác	32	VI.8	810.112.683	731.353.169
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		845.457.653	1.156.959.020
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		9.292.150.190	8.896.536.406
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.026.887.406	1.202.554.731
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		8.265.262.784	7.693.981.675

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Thanh Bình

KẾ TOÁN TRƯỞNG

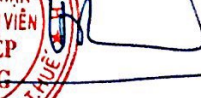


Lê Thị Thanh Bình

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 03 năm 2019



CHỦ TỊCH CÔNG TY



Tôn Thất Ái Tín



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		28.418.473.891	26.233.100.776
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(12.947.606.106)	(12.192.277.461)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.108.628.063)	(5.682.784.102)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(179.475.000)	(204.920.519)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(882.181.941)	(1.838.018.363)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.606.578.642	4.988.285.565
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(6.633.829.523)	(6.343.045.123)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.273.331.900</b>	<b>4.960.340.773</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH				
1. khác	21		(4.715.367.131)	(1.224.934.246)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH				
2. khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.700.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		11.700.000.000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		204.093.108	73.550.018
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.511.274.023)</b>	<b>(1.151.384.228)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	1.461.000.000	1.200.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(100.000.000)	(3.284.572.282)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.361.000.000</b>	<b>(2.084.572.282)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

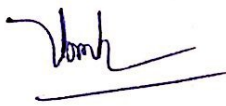
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

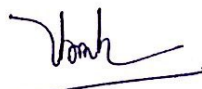
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		3.123.057.877	1.724.384.263
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.523.780.016	799.395.753
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	<u>5.646.837.893</u>	<u>2.523.780.016</u>

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Thanh Bình

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Thanh Bình

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 03 năm 2019



CHỦ TỊCH CÔNG TY

Tôn Thất Ái Tín